

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân,
tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3140/TTr-SXD ngày 27/12/2021; Kết quả thẩm định số 3068/KQ/HĐTĐ, ngày 17/12/2021 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

(Đính kèm nội dung cụ thể của đồ án và quy định quản lý)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành liên quan: Tổ chức công bố quy hoạch xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật hiện hành; Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND huyện Bình Tân chủ động

phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để đề xuất điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp độ quy hoạch theo quy định hiện hành.

Giao Sở Xây dựng giám sát việc triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Tân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV, TH;
- TT Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, 5.25.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

**Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /12/2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

I. Phạm vi, ranh giới, giai đoạn lập quy hoạch

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) *Phạm vi nghiên cứu trực tiếp*: Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Bình Tân bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Bình Tân với tổng diện tích tự nhiên khoảng 158,07km², có 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 01 thị trấn Tân Quới và 09 xã: Mỹ Thuận, Nguyễn Văn Thành, Thành Trung, Tân Thành, Tân Hưng, Tân An Thạnh, Tân Lược, Tân Bình, Thành Lợi, có giáp giới như sau:

- + Phía Đông giáp huyện Tam Bình và tỉnh Đồng Tháp;
- + Phía Tây giáp sông Hậu, thành phố Cần Thơ;
- + Phía Nam giáp thị xã Bình Minh;
- + Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

b) *Phạm vi nguyên cứu mở rộng*: Vùng tỉnh Vĩnh Long, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Giai đoạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2040.
- Tầm nhìn đến năm 2050.

II. Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch

1. Quan điểm

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân trong bối cảnh phát triển vùng tỉnh Vĩnh Long và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện trên cơ sở phát triển bền vững dựa trên các thế mạnh hiện có làm tiền đề thúc đẩy quá trình đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế - xã hội của huyện Bình Tân nói riêng cũng như góp phần vào tăng trưởng chung của toàn tỉnh.

Cập nhật và khớp nối các quy hoạch, các dự án đã, đang và sẽ triển khai của huyện và tỉnh có liên quan đến khu vực lập quy hoạch.

2. Mục tiêu

Cụ thể hóa các khu vực phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế riêng của huyện, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, liên kết đô thị và các điểm dân cư nông thôn, đảm bảo phát triển cân bằng hài hòa giữa đô thị và nông thôn; Đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn, lập dự án đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các điểm dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp,... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa và bền vững, tạo cơ hội thu hút đầu tư.

III. Tính chất vùng

- Là huyện nằm ven sông Hậu, cửa ngõ phía Tây của tỉnh Vĩnh Long.
- Là trung tâm công nghiệp tiểu vùng phía Tây của tỉnh Vĩnh Long.
- Là trung tâm du lịch mang nét đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long.
- Là trung tâm nông nghiệp chuyên canh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

IV. Các dự báo phát triển vùng

1. Dự báo cơ cấu kinh tế của vùng

Khu vực	Năm 2020	Năm 2030	Năm 2040
Khu vực 1: Nông nghiệp - thủy sản (%)	43	39	33
Khu vực 2: Công nghiệp - xây dựng (%)	28	31	35
Khu vực 3: Dịch vụ (%)	29	30	32

2. Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa

- Theo Niên giám thống kê năm 2020 của huyện Bình Tân (*phát hành tháng 5/2021*) thì dân số toàn huyện khoảng 95.738 người, trong đó dân số đô thị khoảng 19.196 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 20%.

- Dự báo đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 103.000 - 105.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 30.000 - 32.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 28% - 30%.

- Dự báo đến năm 2040 dân số toàn huyện khoảng 120.000 - 125.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 69.000 - 72.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50% - 56%.

3. Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị và nông thôn

3.1. Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị:

Bảng dự báo đất xây dựng đô thị

Nội dung	Năm 2020	Năm 2030	Năm 2040
Tỷ lệ đô thị hóa (%)	20,05	28 - 30	50 - 56
Dân số đô thị (người)	19.196	30.000 - 32.000	69.000 - 72.000
Quy mô đất xây dựng đô thị (ha)	-	700 - 800	1.500 - 1.700

3.2. Dự báo về nhu cầu đất xây dựng nông thôn:

a) Dự báo về dân cư nông thôn:

- Đến năm 2030 khoảng 74.000 - 77.000 người

- Đến năm 2040 khoảng 54.000 - 56.000 người.

b) Dự báo về nhu cầu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

Chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn 100 - 200m²/người. Nhu cầu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

- Đến năm 2030: 1.000 - 1.200 ha.

- Đến năm 2040: 850 - 1.100 ha.

V. Định hướng phát triển không gian vùng

1. Cấu trúc không gian vùng

1.1. Cấu trúc khung giao thông:

Khung phát triển vùng huyện Bình Tân gắn kết với các trục hành lang kinh tế của vùng tỉnh Vĩnh Long, bao gồm các trục hành lang kinh tế đô thị cấp Quốc gia, cấp Vùng như sau:

- Trục hành lang kinh tế đô thị Quốc gia: Cao tốc Trung Lương - Cần Thơ và Quốc lộ 54.

- Trục hành lang kinh tế đô thị Tỉnh: Đường tỉnh 908, Đường tỉnh 910, Đường tỉnh 910B.

- Trục hành lang kinh tế đô thị đường thủy Quốc gia - Quốc tế: Sông Hậu kết hợp hệ thống cảng dự kiến.

- Các trục đường Huyện kết nối thị trấn với các trung tâm xã lân cận: Đường huyện 80, Đường huyện 81, Đường huyện 82, Đường huyện 83, Đường huyện 84, Đường huyện 85, Đường huyện 86, Đường huyện 87, Đường huyện 88, Đường huyện 89.

- Quy hoạch thêm tuyến giao thông mới song song phía Bắc của Quốc lộ 54, nối từ Đường tỉnh 853 (phía bên tỉnh Đồng Tháp) với Đường tỉnh 910 (giáp ranh thị xã Bình Minh).

1.2. Cấu trúc không gian vùng: Chia thành 02 vùng phát triển

- Khu vực Đô thị - Công nghiệp: Với đô thị hạt nhân là thị trấn Tân Quới (*kết hợp với Khu công nghiệp Bình Tân và 02 cụm công nghiệp*) là trung tâm Tiểu vùng 1 của huyện, định hướng phát triển thành đô thị loại IV sau năm 2030. Đồng thời gắn kết không gian với các chuỗi các trung tâm xã có điều kiện thuận lợi phát triển thương mại dịch vụ dọc Quốc lộ 54 như: Tân Bình, Tân Lược, Tân An Thạnh, trong đó xã Tân Lược trong tương lai có điều kiện sẽ từng bước phát triển thành đô thị loại V.

- Khu vực tập trung dân cư phía Bắc: Với đô thị hạt nhân là khu vực trung tâm xã Mỹ Thuận, trung tâm xã Tân Thành sẽ là đô thị động lực cung cấp các dịch vụ phát triển nông nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của khu vực phía Bắc của huyện. Đồng thời, là trung tâm tiểu vùng 2 của huyện và trong tương lai có điều kiện sẽ từng bước phát triển thành đô thị loại V.

1.3. Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai xanh (*khu vực phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, không gian xanh cảnh quan*) bao quanh các đô thị, nhất là tại khu vực thị trấn Tân Quới.

- Khu vực hành lang bảo vệ các sông, kênh, rạch: Dọc sông Hậu và các kênh rạch trên địa bàn Huyện là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho huyện.

- Các vùng sản xuất nông nghiệp đặc biệt tập trung khu vực các xã phía Bắc huyện tiếp giáp huyện Tam Bình, vùng phát triển cây ăn trái, cây hằng năm và khu vực nuôi trồng thủy sản dọc sông Hậu gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành không gian cảnh quan nông nghiệp của Huyện.

- Khu vực cây xanh cách ly bao quanh các khu, cụm công nghiệp.

2. Phân bố các vùng chức năng

2.1. Phân vùng phát triển kinh tế:

Tiểu Vùng I - Tiểu vùng trung tâm - Là vùng kinh tế động lực của huyện: Nằm phía Tây Nam huyện Bình Tân, là vùng phát triển trọng điểm về đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao. Đặc biệt là sự phát triển khu vực dọc hai bên trục Quốc lộ 54. Bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Tân Quới, xã Thành Lợi, xã Tân Bình, xã Tân Lược, xã Tân An Thạnh. Quy mô diện tích khoảng 55km², chiếm 35% tổng diện tích toàn Huyện. Trung tâm của tiểu vùng là Thị trấn Tân Quới.

Tiểu Vùng 2 - Tiểu vùng kinh tế phía Bắc - Phát triển dân cư và sản xuất nông nghiệp: Nằm phía Bắc huyện Bình Tân, là khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi trang trại tập trung,... Bao gồm các xã: Tân Hưng, Tân Thành, Thành Trung, Nguyễn Văn Thành và Mỹ Thuận. Quy mô diện tích khoảng 103km², chiếm 65% tổng diện tích toàn Huyện. Trung tâm của tiểu vùng là trung tâm xã Mỹ Thuận.

2.2. Phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn:

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

- Đến năm 2030 huyện Bình Tân có 1 đô thị loại V là thị trấn Tân Quới.

- Đến năm 2040:

+ Thị trấn Tân Quới phát triển lên thành đô thị loại IV.

+ Nếu có điều kiện sẽ đầu tư khu vực trung tâm các xã Tân Lược, Mỹ Thuận, Tân Thành từng bước phát triển lên đô thị loại V.

b) Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn:

- Trung tâm xã: Mở rộng quy mô các trung tâm xã hiện hữu, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho xã.

- Các điểm dân cư nông thôn gồm: Các điểm dân cư tập trung hiện hữu, khu vực dân cư tập trung dọc theo các tuyến giao thông chính, các khu dân cư tái định cư, khu vực ở nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp.

2.3. Phân bố các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Khu công nghiệp Bình Tân có diện tích khoảng 400 ha, vị trí tại thị trấn Tân Quới và xã Thành Lợi.

- Định hướng bố trí thêm 01 khu công nghiệp mới tại phía Tây huyện thuộc xã Tân An Thạnh và Tân Hưng có quy mô khoảng 500 ha.

- Cụm công nghiệp Tân Quới diện tích còn lại khoảng 26,74 ha, Tổng kho xăng dầu diện tích khoảng 13,12 ha.

- Cụm công nghiệp xã Tân Bình (Cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Công Thành) diện tích khoảng 40,72 ha.

2.4. Phân bố các vùng du lịch:

- Không gian du lịch trung tâm và vùng phụ cận: Là đầu mối để phát triển du lịch, cung cấp các dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, mua sắm, tham quan vườn trái cây, du lịch miệt vườn, homestay,... đặc biệt khai thác khu vực ven sông Hậu. Kết nối du lịch với khu vực lân cận như thị xã Bình Minh, thành phố Cần Thơ.

- Không gian du lịch Khu đô thị mới + Tổ hợp dịch vụ vui chơi nghỉ dưỡng tại thị trấn Tân Quới (330ha): Phát triển khu đô thị mới kết hợp thương mại dịch vụ và du lịch.

2.5. Phân bố các vùng nông nghiệp, thủy sản:

a) Vùng trồng trọt: Dự kiến chia làm 02 tiểu vùng

- Tiểu vùng 1 - Phát triển cây hằng năm: Diện tích khoảng 95 km², chiếm tỷ lệ 76% tổng diện tích toàn Huyện. Bao gồm các xã Tân Hưng, Tân Thành, Thành Trung, Nguyễn Văn Thành, Mỹ Thuận và 1 phần các xã Tân An Thạnh,

Tân Lược, Thành Lợi. Phát triển cây hằng năm (khoai lang, rau màu, lúa) kết hợp nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Tiểu vùng 2 - Phát triển cây lâu năm: Diện tích khoảng 58 km², chiếm tỷ lệ 24% tổng diện tích đất toàn huyện. Bao gồm một phần cá xã Tân An Thạnh, Tân Lược, Tân Bình, thị trấn Tân Quới và xã Thành Lợi. Phát triển cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản dọc sông Hậu, ngoài ra quy hoạch một khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại vị trí giáp ranh phía Bắc thị trấn Tân Quới.

b) Vùng chăn nuôi:

Các xã: Nguyễn Văn Thành, Thành Trung, Tân Thành, Tân Hưng có điều kiện về đất đai, phát triển chăn nuôi, gia cầm theo hình thức trang trại, gia trại.

Vùng chăn nuôi tập trung đàn gia súc lớn: xã Nguyễn Văn Thành, xã Thành Trung.

Vùng nuôi trồng thủy sản: khu vực giáp sông Hậu.

2.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

a) Công trình hành chính:

- Các công trình hành chính cấp huyện cơ bản đã được xây dựng, đáp ứng nhu cầu của huyện trong giai đoạn hiện nay cũng như các giai đoạn quy hoạch theo đồ án. Một số công trình tương đối cũ, xuống cấp cần được tiếp tục cải tạo, chỉnh trang đáp ứng phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của người dân.

- Các công trình hành chính cấp xã cũng đã được đầu tư, tuy nhiên một số còn phân tán, đã xuống cấp, cần tiếp tục quan tâm đầu tư theo các quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

b) Y tế:

- Trung tâm y tế Huyện hiện tại có quy mô 100 giường bệnh, trong tương lai cần nâng cấp Trung tâm y tế huyện lên quy mô 200 - 250 giường bệnh nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển dân số trong tương lai.

- Đầu tư xây dựng mới Hội Đông y huyện Bình Tân, Trung tâm Dưỡng lão huyện.

- Nâng cấp các trạm y tế tại các xã trên địa bàn huyện. Bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Y tế. Khuyến khích phát triển mạng lưới y học cổ truyền.

c) Giáo dục, đào tạo:

- Trường Trung học phổ thông: Đầu tư xây dựng trường Trung học phổ thông Tân Lược sang vị trí mới dự kiến trên trục đường huyện Đường huyện 83 (phía sau so với vị trí hiện tại) đạt chuẩn Quốc gia. Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất các trường hiện hữu theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Trường Trung học cơ sở: Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng tỷ lệ giáo viên trên chuẩn. Đầu tư xây dựng trường Trung học cơ sở Thành Đông, mở rộng trường Trung học cơ sở Tân Lược.

- Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường học theo hướng giảm số điểm trường lẻ tại các trường Mầm non, Tiểu học, đảm bảo mỗi trường học không có quá 03 điểm trường. Sát nhập một số trường tiểu học có quy mô nhỏ ở các xã để có quy mô phù hợp đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện hiện có tại vị trí trong khu trung tâm hành chính huyện. Trong tương lai, cần nâng cấp thành Trường trung cấp nghề trong giai đoạn sau 2030 nhằm thực hiện chương trình phổ cập nghề nghiệp cho người lao động, đào tạo công nhân phục vụ cho khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch trên địa bàn huyện Bình Tân.

d) Văn hóa, thể dục thể thao:

Xây dựng các nhà Văn hóa - Thể dục thể thao xã, các tụ điểm sinh hoạt, câu lạc bộ tại các điểm dân cư tập trung.

Đầu tư xây dựng công viên truyền hình huyện Bình Tân vị trí phía trước khu trung tâm hành chính Huyện.

Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới.

Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao Truyền hình huyện với quy mô khoảng 1,94 ha gồm các hạng mục như: Trung tâm văn hóa, Thư viện. Sân thể dục thể thao cấp Huyện ở ấp Thành Quới, thị trấn Tân Quới với quy mô khoảng 2,3ha.

Ngoài ra cần nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị về văn hóa, thể dục thể thao cho Huyện cũng như cho các trung tâm xã.

e) Thương mại, dịch vụ:

Hình thành các Trung tâm thương mại tại thị trấn Tân Quới, khu vực dự kiến phát triển đô thị Tân Lược nhằm phục vụ nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai cũng như cung cấp dịch vụ thương mại cho các khu công nghiệp và khu dân cư dự kiến.

Hình thành các công trình thương mại dịch vụ tại khu vực dự kiến phát triển đô thị Tân Lược nhằm phục vụ nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai cũng như cung cấp dịch vụ thương mại cho các khu công nghiệp và khu dân cư dự kiến, quy hoạch chợ đầu mối -điểm thu gom nông sản cho địa phương.

VI. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

Cao độ san nền của thị trấn Tân Quới, các đô thị, điểm dân cư nông thôn đảm bảo $H \geq +2.5m$ theo hệ cao độ Nhà nước năm 2008.

b) Thoát nước mặt:

Đối với đô thị loại IV, loại V chỉ tiêu $\geq 60\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát mưa. Các khu vực còn lại chỉ tiêu $\geq 50\%$ đường giao thông chính có hệ thống thoát nước mưa. Nước mặt được thu gom và phân chia lưu vực thoát nước ra hệ thống sông, rạch gần nhất.

Hệ thống đê kè cần phải tu bổ thường xuyên, đảm bảo tính ổn định của công trình, đồng thời cần tiếp tục hoàn chỉnh và nâng cấp hệ thống đê, kè, khơi thông dòng chảy nhằm đảm bảo tiêu thoát nước, tránh gây ngập úng cục bộ.

2. Giao thông

- Đường cao tốc: Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ qua địa bàn 02 xã Nguyễn Văn Thành và Mỹ Thuận, dài 7,25km.

- Quốc lộ: Quốc lộ 54 đi qua địa bàn huyện dài 15,44km. Quy hoạch đạt chuẩn cấp III - đồng bằng, lộ giới 47m. Riêng đoạn qua đô thị Tân Quới có lộ giới 36m.

- Đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 908: Nâng cấp đạt chuẩn cấp IV - đồng bằng, lộ giới 29m, mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m.

+ Đường tỉnh 910: Nâng cấp đạt chuẩn cấp IV - đồng bằng, lộ giới 29m, mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m.

+ Đường tỉnh 910B: Nâng cấp đạt chuẩn cấp IV - đồng bằng, lộ giới 29m, mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m.

- Đường huyện:

+ Các tuyến đường huyện với tổng chiều dài 43,96km, gồm: Đường huyện 80, Đường huyện 81, Đường huyện 82, Đường huyện 83, Đường huyện 84, Đường huyện 85, Đường huyện 86, Đường huyện 87, Đường huyện 88, Đường huyện 89.

+ Nâng cấp các tuyến đường huyện chưa đạt cấp V- đồng bằng tối thiểu phải đạt chuẩn cấp V- đồng bằng. Đối với tuyến Đường huyện 80 đã đạt cấp V sẽ nâng cấp đạt chuẩn cấp IV- đồng bằng lộ giới 29m, mặt đường rộng 7m, nền đường 9m.

- Định hướng mới:

+ Định hướng quy hoạch tuyến giao thông mới song song Quốc lộ 54 có điểm đầu giao với Đường tỉnh 910 (giáp ranh thị xã Bình Minh) nối với Đường tỉnh 908 (có định hướng đầu nối với Đường tỉnh 853 phía bên tỉnh Đồng Tháp) nhằm tạo tuyến tránh cho thị trấn Tân Quới, tuyến dài khoảng 13,5km, lộ giới 29m.

+ Nối thẳng Đường huyện 88 kết nối với Đường tỉnh 908 dài khoảng 02 km, lộ giới 29m.

+ Mở mới các tuyến đường huyện sau: Đường huyện bao 3 xã Tân Bình - Tân An Thạnh - Tân Hưng; Đường huyện Tân Bình - Tân Thành; Đường huyện Mỹ Thuận - Thành Đông; Đường huyện Ngã Cạn - Thành Tâm lộ giới 29m, theo chuẩn cấp V - đồng bằng (*Theo Điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 14/11/2018*).

- *Đường giao thông đô thị*: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị và bố trí lắp đặt hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh theo đúng lộ giới quy hoạch đã được phê duyệt. Bảo đảm giao thông đô thị có vỉa hè thông thoáng sạch đẹp hệ thống hạ tầng, cây xanh, chiếu sáng.

- *Đường giao thông nông thôn*: Trong giai đoạn tới cần đầu tư xây dựng đường từ xã xuống các ấp, đường liên ấp, khóm với tiêu chuẩn đường loại A hoặc loại B; đường trong khu dân cư của thôn xóm, đường trục chính nội đồng đạt tiêu chuẩn loại B hoặc loại C. Nâng cao đời sống người dân nông thôn. Hoàn thành các tiêu chí còn thiếu nhất là tiêu chí về giao thông để huyện trở thành huyện nông thôn mới.

- *Bến, cảng, bãi đỗ xe*:

+ Xây dựng mới 01 bến xe khách tại vị trí phía Bắc Quốc lộ 54, thuộc khóm Thành Nhân, thị trấn Tân Quới, quy mô diện tích 1,5 ha đạt chuẩn loại IV.

+ Bố trí các bãi xe phục vụ cho việc bốc xếp hàng hóa trong các khu, cụm công nghiệp.

+ Cải tạo 02 bãi đậu xe hiện có thành trạm dừng xe và bến đậu xe buýt.

+ Bến thủy nội địa/cảng: Bố trí bến cảng Tổng kho xăng dầu và các bến hàng hóa, bến thủy nội địa phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp, các bến phà, bến tàu khách phục vụ du lịch.

3. Cấp nước

Nguồn cấp: Khai thác nguồn nước mặt từ sông Hậu và các sông, rạch hiện trạng.

Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn đến năm 2030 khoảng 27.200 m³/ngày/đêm, đến năm 2040 khoảng 31.500 m³/ngày/đêm.

Giai đoạn đến 2030: Tiếp tục sử dụng nước từ các trạm cấp nước hiện có. Nâng cấp công suất các trạm cấp nước đáp ứng cho nhu cầu theo các giai đoạn.

Giai đoạn dài hạn (sau 2030): Hoàn thiện mạng lưới cấp nước của huyện, nâng cấp Nhà máy nước Thành Lợi lên công suất 80.000 m³/ngày/đêm.

4. Cấp điện

Tổng phụ tải điện đến năm 2030 khoảng 197,5MVA, đến năm 2040 khoảng 205,6MVA. Hiện trạng Huyện được cấp điện từ trạm 110kV Bình Minh có công suất 1x40MVA.

Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến năm 2020, năm 2025 sẽ xây dựng trạm 110kV Bình Tân công suất 40MVA và nâng công suất trạm 110kV Bình Minh thành 2x40MVA. Dự kiến năm 2035 nâng công suất trạm 110kV Bình Tân lên 2x40MVA và trạm 110kV Bình Minh lên 2x63MVA.

Dự báo tổng phụ tải điện đến năm 2030 khoảng 197,5MVA, đến năm 2040 khoảng 205,6MVA. Định hướng nhu cầu Nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp 110kV để cung cấp đủ điện cho toàn huyện.

Tuyến điện trung thế, hệ thống trạm hạ thế và lưới điện hạ thế, lưới điện chiếu sáng được cụ thể hóa trong thuyết minh quy hoạch.

5. Hệ thống viễn thông

Quy hoạch định hướng đảm bảo phục vụ cho vùng. Các đường dây thông tin liên lạc trong các khu xây dựng mới phải đặt ngầm, từng bước ngầm hóa đường dây trên không hiện hữu; tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi đảm bảo mỹ quan.

6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

Tiêu chuẩn thoát nước bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước.

Tổng lưu lượng thoát nước giai đoạn đến năm 2030 khoảng 19.700 m³/ngày/đêm, đến năm 2040 khoảng 23.400 m³/ngày/đêm.

Giải pháp thoát nước:

- Đối với khu vực đô thị:

+ Khu vực thị trấn Tân Quới: Khu vực hiện trạng bố trí hệ thống thoát nước nửa riêng, khu vực xây mới quy hoạch tách riêng hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải, xây dựng hệ thống thu gom nước thải về các trạm/nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch.

+ Các khu vực định hướng hình thành đô thị tại trung tâm các xã Mỹ Thuận, Tân Lược và Tân Thành: Cần định hướng từng bước bố trí tách riêng hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải, và định hướng quy hoạch các trạm xử lý nước thải tập trung.

- Khu vực điểm dân cư nông thôn tập trung: Khu dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mặt (theo Thông tư số 15/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định). Đối với khu vực hiện trạng, nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại của nhà/công trình hoặc được xử lý cục bộ qua các bể điều hòa nước thải tập trung trước khi

thoát ra hệ thống thoát nước chung. Ngoài ra cần có định hướng từng bước bố trí tách riêng hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải.

- Công trình đầu mối thoát nước thải:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Tân Quới với công suất 4.000 m³/ngày/đêm, xây dựng trạm xử lý nước thải của các khu, cụm công nghiệp với công suất phù hợp theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

+ Giai đoạn đến năm 2040: Nâng công suất trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Tân Quới lên 4.600m³/ngày/đêm, tiếp tục nâng công suất trạm xử lý nước thải của các khu, cụm công nghiệp phù hợp nhu cầu sử dụng thực tiễn. Xây dựng 03 trạm xử lý nước thải công suất 1.500m³/ngày/đêm cho trung tâm xã Tân Lược, công suất 1.000m³/ngày/đêm cho trung tâm xã Mỹ Thuận và công suất 1.000m³/ngày/đêm cho trung tâm xã Tân Thành.

+ Nước thải y tế, nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Phải được thu gom và xử lý đạt chuẩn loại A về môi trường trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung.

b) Quản lý chất thải rắn:

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn đến năm 2030 khoảng 182,58 tấn/ngày, giai đoạn đến năm 2040 khoảng 217,28 tấn/ngày.

Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom rác sinh hoạt về các trạm trung chuyển sau đó được đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung của Huyện, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tại xã Thành Trung với quy mô 15ha.

c) Nghĩa trang:

Vận động người dân không chôn cất tại vườn nhà. Quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện tại xã Thành Trung quy mô 30 ha. Khu vực này có thể mở rộng và đáp ứng nhu cầu chôn cất sau 20 - 50 năm.

VII. Giải pháp bảo vệ môi trường

1. Giải pháp bảo vệ môi trường đô thị

- Thu gom và xử lý rác thải: Đảm bảo xử lý khoảng 95% lượng rác thải sinh hoạt vào năm 2030 và 100% vào năm 2040. Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, chất thải rắn công nghiệp. Định hướng áp dụng công nghệ cao trong xử lý rác thải.

- Thu gom và xử lý nước thải: Nước thải được thu gom về các trạm/nhà máy xử lý nước thải tập trung của đô thị, khu, cụm công nghiệp để xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường trước khi xả ra hệ thống sông, rạch.

- Công viên, cây xanh: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh trên toàn thị trấn, chú trọng phân bố công viên tại các khu vực trung tâm đô thị, hai bên hành lang sông rạch, các khu dân cư tập trung và các khu công nghiệp. Nạo vét, khai thông kênh, rạch thoát nước, bố trí vành đai xanh nhằm bảo vệ môi trường.

2. Giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn

- Quản lý và xử lý chất thải rắn: Phấn đấu thực hiện mục tiêu thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn nông thôn đạt 85% năm 2030. Tăng cường công tác xử lý rác thải tại đô thị và khu dân cư tập trung, sử dụng công nghệ tái sử dụng hoặc chế biến phân bón.

- Nước thải được xử lý qua bể tự hoại của nhà và công trình trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung, hoặc được xử lý qua các trạm xử lý nước thải/ bể điều hòa nước thải tập trung. Ngoài ra cần có định hướng từng bước bố trí tách riêng hệ thống thoát nước mặt và thoát nước thải và thu gom xử lý theo đúng quy định về môi trường.

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý nhằm giảm thiểu ngập úng vào mùa mưa. Khu vực trồng trọt và chăn nuôi cần được định hướng theo mô hình kinh tế vi mô và kinh tế sinh thái hộ gia đình.

- Giải pháp chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất: Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất. Sử dụng đất trong các hoạt động nông nghiệp phải có phương án an toàn về môi trường.

VIII. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

a) Giao thông:

- Nâng cấp Đường huyện 80, Đường huyện 88, Đường huyện 83, Đường huyện 87, Đường huyện 84, Đường huyện 85, Đường huyện 82, Đường huyện 89, Đường huyện 86 đạt tiêu chuẩn cấp IV - đồng bằng.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch chung đô thị Tân Quới được duyệt.

- Xây dựng tuyến đường song song Quốc lộ 54 đi qua các xã Tân An Thạnh, xã Tân Bình, xã Tân Lược, thị trấn Tân Quới và xã Thành Lợi.

- Xây dựng tuyến Đường huyện bao 03 xã Tân Bình - Tân An Thạnh - Tân Hưng; Đường huyện Tân Bình - Tân Thành; Đường huyện Mỹ Thuận - Thành Đông; Đường huyện Ngã Cạn - Thành Tâm.

- Kết nối tuyến Đường huyện 83 với Đường huyện 88 tại cầu Ba Phòng và nối thẳng đến Đường tỉnh 908 qua kênh 26 tháng 3 đến ranh phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

- Nâng cấp các cầu trên Đường tỉnh 910 đạt tải trọng tối thiểu ≥ 10 tấn, tạo thuận lợi cho các phương tiện giao thông lưu thông được thông suốt.

- Các tuyến đường liên xã:

+ Tiếp tục hoàn thiện đường từ Đường tỉnh 908 - ranh xã Tân Bình;

+ Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường liên ấp Hưng An - Hưng Nghĩa, xã Tân Hưng, Đường An Thới - An Thạnh, Đường An Thới - An Phước, xã Tân An Thạnh, Đường Thành Trí - Thành Nghĩa - Thành Đức, xã Thành Lợi; Đường

kênh Lung Cái, xã Tân Hưng; Đường từ Đường tỉnh 908 - cây xăng Ngã Năm, xã Tân Thành.

+ Đầu tư các tuyến đường liên ấp, đường đô thị theo danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Nâng cấp các tuyến đường xã, đường nội đồng dẫn đến các khu vực sản xuất nông nghiệp.

b) Thủy lợi: Kè chống sạt lở bờ sông khu vực đô thị Tân Quới và Đê bao ven sông Hậu; Hệ thống thủy lợi kênh Xẻo Mát - Cái Vồn, kênh Cầu Dụng - Mương Thới, kênh huyện Hàm - xã Khánh.

c) Thoát nước mưa: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa tại thị trấn Tân Quới và trung tâm các xã; Xây dựng hoàn thiện công, mương thoát nước mưa trên Quốc lộ 54 và các trục Đường Tỉnh; Tăng cường nạo vét sông, kênh mương để tăng khả năng tiêu thoát nước.

d) Thoát nước thải: Xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt và mạng lưới thu gom tại khu vực thị trấn Tân Quới; Khu xử lý chất thải rắn tại xã Thành Trung.

e) Xây dựng nghĩa trang: Nghĩa trang nhân dân liên huyện tại xã Thành Trung.

f) Cấp điện: Xây dựng mới trạm 110kV Bình Tân công suất 40MVA tại thị trấn Tân Quới và dự kiến năm 2030 nâng công suất lên 2x40MVA. Xây dựng tuyến dây 2 mạch 110kV đấu nối từ tuyến 110kV Bình Minh - Sông Hậu để cấp điện trạm 110kV Bình Tân.

g) Công trình, dự án:

- Công nghiệp: Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Bình Tân quy mô 400 ha, Tổng Kho xăng dầu, kêu gọi đầu tư các cụm công nghiệp hiện có,...

- Y tế: Đầu tư xây dựng hội Đông y Huyện Bình Tân và Trung tâm Dưỡng lão; Nâng cấp các Trạm y tế tại các xã đạt chuẩn Quốc gia.

- Giáo dục: Xây dựng Trường Trung học cơ sở Thành Đông, Trường Trung học phổ thông Tân Lược tại vị trí mới. Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị cho các trường tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia. Nâng cấp Trường Đào tạo nghề - Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành Trung tâm Dạy nghề huyện.

- Xây dựng Bến xe huyện tại vị trí mới.

- Đầu tư xây dựng các cảng hàng hóa, bến thủy nội địa theo quy hoạch nhằm khai thác lợi thế đường sông.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng công trình dịch vụ thương mại tại thị trấn Tân Quới và xã Tân Lược (nhà hàng, khách sạn, siêu thị phục vụ nhu cầu mua sắm cho người dân trong khu vực và khách du lịch).

- Đầu tư xây dựng các khu dân cư, khu tái định cư.

2. Nguồn lực để thực hiện: Nguồn lực thực hiện từ ngân sách Trung ương, địa phương và huy động tối đa các nguồn lực khác./.